TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tố Như;
2. Ông Vũ Thành Công.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đinh Duy Toàn- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thùy Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 80/1/2, đường N, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 44/2, đường Đ, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/11/2022 và những lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T thể hiện như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Minh D tự nguyện biết và tìm hiểu nhau từ năm 1998, đến năm 2000 thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71, quyển số 01/2000 ngày 27/7/2000, việc chung sống là tự nguyện và được gia đình hai bên đồng ý.

Quá trình chung sống từ ngay sau khi cưới vợ chồng đã phát sinh những

mâu thuẫn, cãi vã nhau, nguyên nhân do ông D thường xuyên không ở nhà. Thời gian đầu bà T không biết ông D đi đâu, làm gì, sau này qua nói chuyện với ông D thì được biết ông D đi làm hồ, nhưng kể từ khi cưới cho đến khi bà T có thai ông D cũng không mang tiền về cho bà chi tiêu trong cuộc sống chỉ đến khi bà T sinh con thì ông D mới đưa cho bà T 300.000 đồng/ tháng. Thời gian sau này cuộc sống giữa bà T và ông D cũng không có thay đổi gì, ông D vẫn thường đi khỏi nhà lúc thì 01-02 tuần, có lúc cả tháng mới về nhà một lần, mỗi lần về 01-02 ngày rồi lại đi. Bà T cũng nói chuyện của vợ chồng bà cho gia đình hai bên biết, gia đình ông D có khuyên ông ấy nhưng cũng không thấy thay đổi gì, còn gia đình bà chỉ nói tùy vợ chồng khuyên bảo nhau. Do quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn tình cảm, không mang lại hạnh phúc cho nhau nên từ năm 2014 đến nay bà và ông D đã sống ly thân, hiện bà T đang ở V, còn ông D ở L. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay không ai liên lạc gì với nhau, cũng không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay do tình cảm vợ chồng không còn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, ngoài ra vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm không còn quan tâm gì đến nhau nên bà Nguyễn Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh D.

- Về con chung: Bà T và ông D có 01 con chung tên Nguyễn Yến N, sinh ngày 12/6/2001. Hiện cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên bà T không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn ông Nguyễn Minh D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh D và bà Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng ngày 27/7/2000. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn, nhưng từ năm 2010 khi ông D bị tai nạn lao động, sức khỏe không đảm bảo, mọi sinh hoạt trong cuộc sống chậm chạm từ đó bà T thay đổi tình cảm với ông, không còn quan tâm, thương yêu ông nữa và từ năm 2015 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm gì. Nay bà Nguyễn Thanh T nộp đơn ly hôn thì ông D đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Yến N, sinh ngày 12/6/2001. Hiện cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên ông D không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để làm rõ tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản không có vi phạm gì.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Nguyễn Minh D. Về con chung hiện cháu Nguyễn Yến N đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết;

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án, HĐXX xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn hiện đang cư trú tại số 44/2, đường Đ, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T và bị đơn ông Nguyễn Minh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông D.

[3].Về nội dung vụ án:

[3.1].Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Minh D tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71, quyển số 01/2000 ngày 27/7/2000 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Nguyễn Thanh T cho rằng ngay từ khi mới bắt đầu chung sống vợ chồng sống chung nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông D thường xuyên vắng nhà, đi đâu, làm gì bà không biết, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm rạn nứt, không hàn gắn được, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, tình nghĩa vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án ông D xác nhận do vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2010 không thể hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm đến nhau, từ năm 2015 đến nay vợ chồng đã sống ly thân do không hợp. Nay bà T yêu cầu giải quyết ly hôn ông cũng đồng ý. Xét thấy, thời gian xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm và vợ chồng bà T, ông D không có nguyện vọng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2].Về con chung: Qua lời thừa nhận của bà T, ông D và chứng cứ do các bên xuất trình xác định bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Minh D có 01 con chung tên Nguyễn Yến N, sinh ngày 12/6/2001. Nay cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T đối với bị đơn và ông Nguyễn Minh D.

Xử cho bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Minh D.

2. Về con chung: Do cháu Nguyễn Yến N đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải

quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Thúy đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005448 ngày 01/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã L, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Hòa